BỘ Y TẾ
CỤC AN TOÀN THỰCPHẨM

Số: 259/QĐ-ATTP

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 27 tháng 5 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
Về việc chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm

CỤC TRƯỞNG CỤC AN TOÀN THỰC PHẨM

Căn cứ Luật an toàn thực phẩm ngày 17 tháng 6 năm 2010 và Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật an toàn thực phẩm;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 20/2013/TTLT-BYT-BCT-BNNPTNT ngày 01/8/2013 của Bộ Y tế - Bộ Công Thương - Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về Quy định điều kiện, trình tự thủ tục chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước;

Xét hồ sơ đăng ký chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm của Trường Đại học kỹ thuật y tế Hải Dương; Biên bản đánh giá tại cơ sở kiểm nghiệm và hồ sơ khắc phục cơ sở kiểm nghiệm sau đánh giá của Trường Đại học kỹ thuật y tế Hải Dương;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Quản lý Tiêu chuẩn và Kiểm nghiệm,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chỉ định Trường Đại học kỹ thuật y tế Hải Dương, địa chỉ: Số 229 Nguyễn Lương Bằng, phường Thanh Bình, Thành phố Hải Dương, Tỉnh Hải Dương thực hiện kiểm nghiệm phục vụ quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm đối với các chỉ tiêu kỹ thuật trong Danh mục chỉ tiêu được chỉ định kèm theo Quyết định này.

Mã số cơ sở kiểm nghiệm: **62/2020/BYT-KNTP**

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực ba (03) năm, kể từ ngày ký.

Điều 3. Trường Đại học kỹ thuật y tế Hải Dương có trách nhiệm thực hiện công tác kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước khi có yêu cầu và phải tuân thủ các quy định và hướng dẫn của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Bộ trưởng (để b/c);
- TT. Trương Quốc Cường (để b/c);
- Cục trưởng (để b/c);
- Sở Y tế các tỉnh/thành phố trực thuộc TƯ;
- Chi cục ATVSTP các tỉnh/thành phố trực thuộc TƯ;
- Lưu: VT, KN

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
CỤC AN TOÀN THỰC PHẨM
BỘ Y TẾ

Lê Văn Giang

DANH MỤC CHỈ TIÊU ĐƯỢC CHỈ ĐỊNH

(Kèm theo Quyết định số……/QĐ-ATTP ngày …..... tháng…... năm 2020 của Cục An toàn thực phẩm)

TT	Tên chỉ tiêu/phép thử	Lĩnh vực	Phương pháp thử	Giới hạn định lượng (nếu có) /phạm vi đo
I.	**Lĩnh vực hóa học**			
1	Xác định độ cứng	Nước uống đóng chai, nước khoáng thiên nhiên, đá thực phẩm	SMEWW 2340 hardness: 2005	
2	Xác định hàm lượng nitrit	Nước uống đóng chai, nước khoáng thiên nhiên, đá thực phẩm	SMEWW 4500 NO-2 B 2017	0,0031mg/L
3	Xác định clorua-chuẩn độ bạc nitrat với chỉ thị cromat	Nước uống đóng chai, nước khoáng thiên nhiên, đá thực phẩm	TCVN 6194: 1996	0,5 mg/L
4	Xác định hàm lượng ethanol, methanol, acetaldehyde, ethyl acetate và rượu bậc cao (tính theo ISO butanol và ISO Amyalcol)	Rượu bổ	H.HD 5.4/61: (Ethanol:TK. TCVN8008_2009 Aldehyt: TK.AOAC 972.10 Este/Ethyl acetate: TK.TCVN 8011-2009 Methanol: TK.TCVN 8010-2009 Rượu bậc cao TK. TCVN 8011-2009)	16,7mg/L
II	**Lĩnh vực vi sinh**			

1	Định lượng nấm men và nấm mốc Kỹ thuật đếm khuẩn lạc trong các sản phẩm có hoạt độ nước ≤ 0,95	Thực phẩm	TCVN 8275-2: 2010 (ISO 21527-2: 2008)	1 CFU/mL 10 CFU/g
2	Định lượng nấm men và nấm mốc Kỹ thuật đếm khuẩn lạc trong các sản phẩm có hoạt độ nước ≥ 0,95	Thực phẩm	TCVN 8275-1: 2010 (ISO 21527-1: 2008)	1 CFU/mL 10 CFU/g
3	Phát hiện *Salmonella* spp.	Thực phẩm	TCVN 10780-1:2017 (ISO 6579-1: 2017)	Phát hiện/25g
4	Định lượng *E. coli* dương tính beta-glucuronidaza	Thực phẩm	TCVN 7924-2: 2008 (ISO 16649-2:2001)	1 CFU/mL 10 CFU/g
5	Phát hiện và định lượng Coliforms Kỹ thuật đếm số có xác suất lớn nhất	Thực phẩm	TCVN 4882:2007 (ISO 4831: 2006)	0.03 MPN/mL (10g)
6	Định lượng Coliforms Kỹ thuật đếm khuẩn lạc.	Thực phẩm	TCVN 6848: 2007 (ISO 4832: 2007)	1 CFU/mL 10 CFU/g
7	Đinh lượng vi khuẩn khử sulfit phát triển trong điều kiện kỵ khí.	Thực phẩm	TCVN 7902:2008 (ISO 15213: 2003)	1 CFU/mL 10 CFU/g
8	Định lượng *Staphylococci* có phản ứng dương tính với coagulase (*Staphylococcus aureus* và các loài khác) trên đĩa thạch. Kỹ thuật sử dụng môi trường Baird – Parker.	Thực phẩm	TCVN 4830-1:2005	1 CFU/mL 10 CFU/g

9	Định lượng *Bacillus cereus* giả định trên đĩa thạch.	Thực phẩm	TCVN 4992:2005 (ISO 7932: 2004)	1 CFU/mL 10 CFU/g
10	Phát hiện và đếm *Pseudomonas aeruginosa* – Phương pháp màng lọc	Nước uống đóng chai	TCVN 8881:2011 (ISO 16266:2010)	1CFU/ 250 mL
11	Phát hiện và đếm *Escherichia coli* – Phương pháp màng lọc	Nước uống đóng chai	TCVN 6187 - 1 : 2009 (ISO 9308 - 1 : 2000)	1CFU/ 250 mL
12	Phát hiện và đếm Coliforms – Phương pháp màng lọc	Nước uống đóng chai	TCVN 6187 - 1 : 2009 (ISO 9308 - 1 : 2000)	1CFU/ 250 mL
13	Phát hiện và đếm cầu khuẩn đường ruột	Nước uống đóng chai	TCVN 6189 - 2 : 2009 (ISO 7899 - 2 : 2000)	1CFU/ 250 mL
14	Phát hiện và đếm số bào tử vi khuẩn kỵ khí khử Sunphit (Clostrida)	Nước uống đóng chai	TCVN 6191-2 : 1996	1CFU/ 50 mL

Ghi chú: Phạm vi áp dụng đối với các sản phẩm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước của Bộ Y tế.